TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 3 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Khởi Nghĩa

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Tr G, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp Lung Tr, xã Quách Ph, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Tố Q, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Ấp Long Hoà, thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của anh G trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Anh G và chị Q chung sống năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Quách Ph. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đã ly thân khoảng 3 năm nay. Anh G xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị Q nên yêu cầu được ly hôn.

Anh G xác định quá trình chung sống anh và chị Q không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn chị Trần Thị Tố Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 16/3/2025, thể hiện:* Chị Q đồng ý ly hôn với anh G, về con chung, tài sản chung chị Q xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Mai Tr G và chị Trần Thị Tố Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh G và chị Q là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Anh G và chị Q chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh G xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Q.

Xét yêu cầu ly hôn của anh G thấy rằng, anh G yêu cầu ly hôn được chị Q đồng ý, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của anh G, cho anh G ly hôn với chị Q là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và về nợ: Anh G và chị Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh G phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Tr G. Cho anh Mai Tr G được ly hôn với chị Trần Thị Tố Q.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Mai Tr G phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002757 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh G đã nộp xong).

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Quách Ph;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai